

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI RBB
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI RBB

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: RBB TRADING AND PRODUCTION COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: RBB TRADING CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0108153957

3. Ngày thành lập: 30/01/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 26 ngách 28/34 đường Điện Biên Phủ, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Đại lý, môi giới, đấu giá (trừ hoạt động đấu giá tài sản);	4610
2.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
3.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
4.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
5.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
6.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
7.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
8.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
9.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
10.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ dụng cụ y tế;	4772
11.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
12.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
13.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ các loại Nhà nước cấm)	4620
14.	Bán buôn đồ uống	4633

15.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
16.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
17.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ kinh doanh vàng)	4773
18.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (trừ hoạt động đấu giá tài sản)	4799
19.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa và kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế;	7912
20.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
21.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
22.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
23.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa;	8299
24.	In ấn (trừ các hoạt động Nhà nước cấm)	1811
25.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
26.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649(Chính)
27.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
28.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
29.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
30.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
31.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
32.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
33.	Bán buôn gạo	4631
34.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
35.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
36.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động môi giới bản quyền (sắp xếp cho việc mua và bán bản quyền);	7490
37.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
38.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	4774
39.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ hoạt động đấu giá tài sản)	4791
40.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621

41.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
42.	Sản xuất thảm, chăn đệm	1323
43.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
44.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
45.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
46.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
47.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
48.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
49.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ kinh doanh vàng)	4662
50.	Bán buôn tổng hợp (trừ các loại Nhà nước cấm)	4690
51.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
52.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
53.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
54.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
55.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
56.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
57.	Bán mô tô, xe máy	4541
58.	Bán buôn thực phẩm	4632
59.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
60.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
61.	Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn pháp luật, thuế, kế toán, tài chính, chứng khoán)	7020
62.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
63.	Đại lý du lịch	7911
64.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
65.	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)	1322
66.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1324
67.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1329
68.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
69.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
70.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
71.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709

72.	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	2310
73.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
74.	Quảng cáo	7310
75.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
76.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759

6. Vốn điều lệ: 3.500.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	TRẦN MINH HÒA	Số 71 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	3.325.000.000	95,000	038082000099	
2	TRẦN THỊ PHƯƠNG	Xóm 19, Xã Giao An, Huyện Giao Thủy, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	175.000.000	5,000	163219707	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRẦN MINH HÒA

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 12/05/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 038082000099

Ngày cấp: 08/04/2014

Nơi cấp: Cục cảnh sát DKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 71 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 71 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội